

Số: 135/QĐ-TTGDQPAN

Gia Lai, ngày 20 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh
Khóa 53, năm học 2024-2025 cho sinh viên trình độ trung cấp của
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-BGDDĐT, ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-BQP, ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-TTGDQPAN, ngày 12/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét công nhận kết quả học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 53 tại phiên họp ngày 20/8/2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 53, năm học 2024-2025 cho 408 sinh viên đào tạo trình độ trung cấp (có danh sách kèm theo) của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.

Điều 2. Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên, Trưởng các đơn vị và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn;
- Đăng website;
- Lưu: VT, PDTQLSV.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

DANH SÁCH XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
KHÓA 53: NĂM HỌC 2024-2025

TRƯỜNG LIÊN KẾT: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN
HP : Giáo dục quốc phòng và an ninh (02 tín chỉ_MHP 119008)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 135/QĐ-TTGDQPAN ngày 20/8/2025 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	ĐTBCT	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
1	T160299	Phạm Ngọc Lâm	20/9/2004	Nam	Công nghệ thông tin	7,6	7,60	Khá	Đạt	
2	T160500	Thao Minh Thọ	17/7/2004	Nam	Công nghệ thông tin	8,9	8,90	Giỏi	Đạt	
3	T180001	Dương Quốc Bảo	19/10/2009	Nam	Cắt gọt kim loại	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
4	T180004	Võ Thành Dữ	07/4/2009	Nam	Cắt gọt kim loại	7,6	7,60	Khá	Đạt	
5	T180005	Hồ Thanh Hoà	11/01/2009	Nam	Cắt gọt kim loại	7,6	7,60	Khá	Đạt	
6	T180007	Nguyễn Trường Huy	03/6/2006	Nam	Cắt gọt kim loại	5,3	5,30	Trung bình	Đạt	
7	T180009	Huỳnh Hữu Khang	24/5/2009	Nam	Cắt gọt kim loại	6,3	6,30	Trung bình	Đạt	
8	T180012	Võ Hải Minh	22/01/2009	Nam	Cắt gọt kim loại	5,9	5,90	Trung bình	Đạt	
9	T180020	Hồ Gia Triệu	22/3/2009	Nam	Cắt gọt kim loại	6,1	6,10	Trung bình	Đạt	
10	T180021	Dương Tuấn Anh	10/6/2009	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	5,3	5,30	Trung bình	Đạt	
11	T180024	Nguyễn Hải Dương	06/11/2009	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	6,40	Trung bình	Đạt	
12	T180026	Phạm Minh Đô	11/11/2009	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	5,8	5,80	Trung bình	Đạt	
13	T180027	Nguyễn Quang Hải	04/9/2009	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	7,1	7,10	Khá	Đạt	
14	T180028	Nguyễn Thanh Hậu	27/6/2009	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	8,0	8,00	Giỏi	Đạt	
15	T180031	Nguyễn Duy Hữu	27/8/2009	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	7,0	7,00	Khá	Đạt	
16	T180033	Lê Chí Khang	27/10/2008	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,2	6,20	Trung bình	Đạt	
17	T180035	Tô Nguyễn Hoàng Long	17/6/2009	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
18	T180036	Nguyễn Trọng Lực	24/02/2008	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
19	T180038	Đông Bảo Nam	05/10/2009	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	7,0	7,00	Khá	Đạt	
20	T180040	Lê Công Nhất	25/01/2009	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	7,3	7,30	Khá	Đạt	
21	T180043	Trần Bảo Toàn	24/8/2007	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
22	T180045	Đỗ Quốc Tuấn	21/01/2009	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	8,1	8,10	Giỏi	Đạt	
23	T180046	Hồ Hoàng Thiện	27/7/2008	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	7,1	7,10	Khá	Đạt	
24	T180048	Trần Lâm Gia Bảo	25/9/2009	Nam	Hàn	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
25	T180050	Lê Thành Danh	06/11/2009	Nam	Hàn	7,0	7,00	Khá	Đạt	
26	T180051	Bùi Văn Dân	26/7/2009	Nam	Hàn	7,1	7,10	Khá	Đạt	
27	T180053	Phạm Ngọc Hiếu	25/4/2009	Nam	Hàn	5,5	5,50	Trung bình	Đạt	
28	T180054	Trần Quốc Hiệu	12/02/2009	Nam	Hàn	8,0	8,00	Giỏi	Đạt	
29	T180055	Võ Nguyễn Duy Khang	27/12/2009	Nam	Hàn	7,1	7,10	Khá	Đạt	
30	T180056	Nguyễn Hữu Nghĩa	12/6/2009	Nam	Hàn	7,3	7,30	Khá	Đạt	
31	T180057	Phan Thế Phong	09/4/2009	Nam	Hàn	5,4	5,40	Trung bình	Đạt	
32	T180058	Nguyễn Hữu Tiến	04/6/2009	Nam	Hàn	5,8	5,80	Trung bình	Đạt	
33	T180060	Cao Quang Thắng	17/11/2009	Nam	Hàn	7,2	7,20	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP	ĐTB	Nếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
34	T180061	Huỳnh Bá	Thống	Nam	Hàn	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
35	T180062	Doan Văn	Thống	Nam	Hàn	7,6	7,60	Khá	Đạt	
36	T180063	Trần Quốc	Trí	Nam	Hàn	6,3	6,30	Trung bình	Đạt	
37	T180064	Đặng Quốc	Vương	Nam	Hàn	7,6	7,60	Khá	Đạt	
38	T180066	Mai Tuấn	Anh	Nam	Công nghệ ô tô	7,0	7,00	Khá	Đạt	
39	T180067	Nguyễn Tùng	Bách	Nam	Công nghệ ô tô	7,5	7,50	Khá	Đạt	
40	T180068	Võ Gia	Bảo	Nam	Công nghệ ô tô	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
41	T180069	Nguyễn Doãn Gia	Bảo	Nam	Công nghệ ô tô	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
42	T180071	Lê Phan Thành	Đại	Nam	Công nghệ ô tô	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
43	T180075	Trần Huy	Hòa	Nam	Công nghệ ô tô	7,2	7,20	Khá	Đạt	
44	T180077	Tiêu Văn	Huy	Nam	Công nghệ ô tô	7,5	7,50	Khá	Đạt	
45	T180078	Nguyễn Phạm Khánh	Hưng	Nam	Công nghệ ô tô	7,5	7,50	Khá	Đạt	
46	T180079	Đinh Trọng	Kiên	Nam	Công nghệ ô tô	7,6	7,60	Khá	Đạt	
47	T180080	Nguyễn Huỳnh Nhật	Khai	Nam	Công nghệ ô tô	7,7	7,70	Khá	Đạt	
48	T180084	Nguyễn Đình Khai	Nguyễn	Nam	Công nghệ ô tô	7,5	7,50	Khá	Đạt	
49	T180086	Hoàng	Phát	Nam	Công nghệ ô tô	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
50	T180087	Phạm Đại	Phú	Nam	Công nghệ ô tô	7,6	7,60	Khá	Đạt	
51	T180088	Trương Tân	Sang	Nam	Công nghệ ô tô	7,7	7,70	Khá	Đạt	
52	T180090	Đỗ Quốc	Tin	Nam	Công nghệ ô tô	8,9	8,90	Giỏi	Đạt	
53	T180092	Lâm Ngọc	Ty	Nam	Công nghệ ô tô	7,9	7,90	Khá	Đạt	
54	T180093	Nguyễn Lương Minh	Thắng	Nam	Công nghệ ô tô	7,9	7,90	Khá	Đạt	
55	T180095	Hồ Minh	Thiện	Nam	Công nghệ ô tô	7,5	7,50	Khá	Đạt	
56	T180096	Phạm Quốc	Thịnh	Nam	Công nghệ ô tô	7,1	7,10	Khá	Đạt	
57	T180098	Vũ Minh	Trí	Nam	Công nghệ ô tô	7,3	7,30	Khá	Đạt	
58	T180099	Nguyễn Minh	Trung	Nam	Công nghệ ô tô	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
59	T180100	Nguyễn Anh	Vũ	Nam	Công nghệ ô tô	7,3	7,30	Khá	Đạt	
60	T180102	Trần Gia	Bao	Nam	Công nghệ ô tô	8,1	8,10	Giỏi	Đạt	
61	T180103	Nguyễn Hoàng Quốc	Bao	Nam	Công nghệ ô tô	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
62	T180104	Nguyễn Đức	Duy	Nam	Công nghệ ô tô	6,1	6,10	Trung bình	Đạt	
63	T180106	Nguyễn Văn	Hải	Nam	Công nghệ ô tô	6,3	6,30	Trung bình	Đạt	
64	T180107	Nguyễn Đăng Gia	Hưng	Nam	Công nghệ ô tô	6,3	6,30	Trung bình	Đạt	
65	T180108	Nguyễn Ka	Ka	Nam	Công nghệ ô tô	6,4	6,40	Trung bình	Đạt	
66	T180109	Nguyễn Hoàng	Kiên	Nam	Công nghệ ô tô	7,3	7,30	Khá	Đạt	
67	T180111	Nguyễn Thiện	Nhân	Nam	Công nghệ ô tô	6,3	6,30	Trung bình	Đạt	
68	T180112	Nguyễn Duy	Nhật	Nam	Công nghệ ô tô	6,1	6,10	Trung bình	Đạt	
69	T180113	Ngô Văn	Phú	Nam	Công nghệ ô tô	6,3	6,30	Trung bình	Đạt	
70	T180117	Huỳnh Ngọc	Thiện	Nam	Công nghệ ô tô	7,6	7,60	Khá	Đạt	
71	T180120	Bùi Đông	Trường	Nam	Công nghệ ô tô	7,2	7,20	Khá	Đạt	
72	T180121	Lê Đình Ngọc	Vĩ	Nam	Công nghệ ô tô	7,3	7,30	Khá	Đạt	
73	T180123	Trần Đình Nhật	Anh	Nam	Cơ điện tư	8,2	8,20	Giỏi	Đạt	
74	T180131	Nguyễn Duy	Nam	Nam	Cơ điện tư	7,9	7,90	Khá	Đạt	
75	T180133	Phạm Viết	Nhật	Nam	Cơ điện tư	7,9	7,90	Khá	Đạt	
76	T180135	Nguyễn Trần Đại	Phú	Nam	Cơ điện tư	7,6	7,60	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	ĐTBCT	Nếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
77	T180136	Đinh Bình	14/8/2004	Nam	Cơ điện tử	9,0	9,00	Xuất sắc	Đạt	
78	T180139	Lê Nguyễn Minh	30/7/2009	Nam	Cơ điện tử	7,3	7,30	Khá	Đạt	
79	T180141	Đới Uy	04/12/2009	Nam	Cơ điện tử	7,6	7,60	Khá	Đạt	
80	T180142	Trần Minh	21/4/2009	Nam	Cơ điện tử	8,4	8,40	Giỏi	Đạt	
81	T180143	Nguyễn Trần Tuấn	20/7/2009	Nam	Điện công nghiệp	7,3	7,30	Khá	Đạt	
82	T180146	Nguyễn Đăng	11/4/2003	Nam	Điện công nghiệp	7,9	7,90	Khá	Đạt	
83	T180148	Mai Xuân	28/7/2009	Nam	Điện công nghiệp	7,8	7,80	Khá	Đạt	
84	T180149	Nguyễn Gia	12/3/2009	Nam	Điện công nghiệp	7,3	7,30	Khá	Đạt	
85	T180150	Lê Gia	10/8/2009	Nam	Điện công nghiệp	7,7	7,70	Khá	Đạt	
86	T180151	Trương Thành	20/11/2009	Nam	Điện công nghiệp	8,5	8,50	Giỏi	Đạt	
87	T180152	Trần Đỗ Ngọc	24/9/2009	Nam	Điện công nghiệp	7,6	7,60	Khá	Đạt	
88	T180153	Nguyễn Tấn	19/3/2009	Nam	Điện công nghiệp	8,5	8,50	Giỏi	Đạt	
89	T180154	Lê Hoàng	25/7/2009	Nam	Điện công nghiệp	7,9	7,90	Khá	Đạt	
90	T180156	Nguyễn Đăng	10/8/2008	Nam	Điện công nghiệp	7,3	7,30	Khá	Đạt	
91	T180157	Huỳnh Hoàng	22/10/2009	Nam	Điện công nghiệp	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
92	T180160	Trần Hạo	08/11/2009	Nam	Điện công nghiệp	7,1	7,10	Khá	Đạt	
93	T180162	Đinh Long	31/12/2009	Nam	Điện công nghiệp	7,3	7,30	Khá	Đạt	
94	T180163	Huỳnh Minh	31/10/2009	Nam	Điện công nghiệp	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
95	T180164	Nguyễn Lê Thành	21/01/2009	Nam	Điện công nghiệp	6,4	6,40	Trung bình	Đạt	
96	T180165	Trần Duy	29/12/2009	Nam	Điện công nghiệp	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
97	T180167	Trần Văn	21/11/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,7	7,70	Khá	Đạt	
98	T180169	Huỳnh Thiên	18/3/2009	Nam	Điện công nghiệp	7,0	7,00	Khá	Đạt	
99	T180172	Lê Hồ Nhật	09/8/2009	Nam	Điện công nghiệp	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
100	T180173	Nguyễn Minh	14/5/2007	Nam	Điện công nghiệp	8,4	8,40	Giỏi	Đạt	
101	T180174	Nguyễn Văn	03/3/2009	Nam	Điện công nghiệp	7,8	7,80	Khá	Đạt	
102	T180175	Nguyễn Quốc	24/9/2008	Nam	Điện công nghiệp	7,4	7,40	Khá	Đạt	
103	T180177	Nguyễn Đình	05/11/2009	Nam	Điện công nghiệp	7,3	7,30	Khá	Đạt	
104	T180180	Thân Trọng Quốc	29/11/2009	Nam	Điện công nghiệp	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
105	T180181	Nguyễn Bao	11/3/2006	Nam	Điện công nghiệp	7,3	7,30	Khá	Đạt	
106	T180182	Lê Quốc	13/4/2009	Nam	Điện công nghiệp	9,1	9,10	Xuất sắc	Đạt	
107	T180183	Nguyễn Lê Anh	27/8/2009	Nam	Điện công nghiệp	7,4	7,40	Khá	Đạt	
108	T180185	Lê Việt	22/02/2008	Nam	Điện công nghiệp	7,5	7,50	Khá	Đạt	
109	T180186	Trình Trung	15/11/2002	Nam	Điện công nghiệp	9,6	9,60	Xuất sắc	Đạt	
110	T180187	Đinh Văn	08/12/2009	Nam	Điện công nghiệp	7,3	7,30	Khá	Đạt	
111	T180189	Nguyễn Phi	20/10/2009	Nam	Điện công nghiệp	8,0	8,00	Giỏi	Đạt	
112	T180192	Đỗ Trung	10/4/2009	Nam	Điện công nghiệp	6,4	6,40	Trung bình	Đạt	
113	T180193	Nguyễn Thanh	04/8/2009	Nam	Điện công nghiệp	8,1	8,10	Giỏi	Đạt	
114	T180194	Lê Đình	15/02/2008	Nam	Điện công nghiệp	8,7	8,70	Giỏi	Đạt	
115	T180197	Phan Trần Thử	10/12/2009	Nam	Điện công nghiệp	7,0	7,00	Khá	Đạt	
116	T180200	Châu Thành	16/02/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7,4	7,40	Khá	Đạt	
117	T180201	Trần Minh	23/6/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7,3	7,30	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	ĐTB	Nếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
118	T180202	Trần Chung Đức	20/11/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.0	7.00	Khá	Đạt	
119	T180203	Võ Trường Giang	05/5/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.8	7.80	Khá	Đạt	
120	T180204	Trần Gia Huy	13/10/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
121	T180205	Hoàng Khang	10/01/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.3	7.30	Khá	Đạt	
122	T180206	Nguyễn Ngọc Kỳ	26/5/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.1	7.10	Khá	Đạt	
123	T180207	Dương Tấn Kha	14/10/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.9	7.90	Khá	Đạt	
124	T180212	Huỳnh Phước Lợi	31/8/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	8.4	8.40	Giỏi	Đạt	
125	T180213	Bùi Á Luân	17/11/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.3	7.30	Khá	Đạt	
126	T180214	Vương Nguyễn Cát Lượng	16/9/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	8.0	8.00	Giỏi	Đạt	
127	T180215	Nguyễn Hoài Nam	11/8/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.7	7.70	Khá	Đạt	
128	T180216	Võ Tấn Nghĩa	30/4/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.1	6.10	Trung bình	Đạt	
129	T180218	Phan Ngọc Nhật	15/12/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.1	6.10	Trung bình	Đạt	
130	T180219	Huỳnh Hoàng Phát	05/11/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.4	6.40	Trung bình	Đạt	
131	T180220	Nguyễn Hoà Phú	09/10/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
132	T180221	Nguyễn Hoàng Duy Phương	14/4/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.3	7.30	Khá	Đạt	
133	T180222	Lê Trần Đình Quốc	07/6/2005	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	9.6	9.60	Xuất sắc	Đạt	
134	T180224	Nguyễn Minh Sáng	24/6/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.1	6.10	Trung bình	Đạt	
135	T180228	Nguyễn Đình Tuấn Thành	13/8/2008	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	9.0	9.00	Xuất sắc	Đạt	
136	T180229	Nguyễn Văn Thương	20/9/2008	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.0	7.00	Khá	Đạt	
137	T180231	Hoàng Anh Triều	25/11/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	8.3	8.30	Giỏi	Đạt	
138	T180236	Phạm Quốc Đại	31/3/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	5.9	5.90	Trung bình	Đạt	
139	T180239	Đỗ Văn Hòa	23/5/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.1	6.10	Trung bình	Đạt	
140	T180241	Nguyễn Bao Khang	06/10/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.1	6.10	Trung bình	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	ĐTB	Nếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
141	T180242	Nguyễn Trần Anh	Khoa	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.4	6.40	Trung bình	Đạt	
142	T180243	Trần Phước	Minh	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.1	7.10	Khá	Đạt	
143	T180244	Nguyễn Dang	Nguyễn	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.1	6.10	Trung bình	Đạt	
144	T180247	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.4	6.40	Trung bình	Đạt	
145	T180248	Lê Thanh	Sang	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	8.8	8.80	Giỏi	Đạt	
146	T180249	Phạm Nguyễn Đình	Trần	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	8.1	8.10	Giỏi	Đạt	
147	T180251	Vô Đình	Thiên	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.6	7.60	Khá	Đạt	
148	T180252	Lê Minh	Thiện	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.3	7.30	Khá	Đạt	
149	T180253	Đỗ Minh	Triều	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.1	6.10	Trung bình	Đạt	
150	T180254	Nguyễn Văn	Vĩ	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	8.3	8.30	Giỏi	Đạt	
151	T180255	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.9	7.90	Khá	Đạt	
152	T180256	Dương Ngọc	An	Nam	Điện công nghiệp	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
153	T180257	Nguyễn Hà Hoàng	Anh	Nữ	Công nghệ thông tin	7.3	7.30	Khá	Đạt	
154	T180258	Nguyễn Văn	Bảo	Nam	Công nghệ thông tin	6.4	6.40	Trung bình	Đạt	
155	T180260	Đinh Thanh	Bình	Nam	Công nghệ thông tin	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
156	T180261	Hồ Quốc	Chung	Nam	Công nghệ thông tin	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
157	T180262	Nguyễn Xuân Anh	Dương	Nữ	Công nghệ thông tin	7.3	7.30	Khá	Đạt	
158	T180263	Huỳnh Trọng	Hiệp	Nam	Công nghệ thông tin	7.1	7.10	Khá	Đạt	
159	T180264	Lê Hoàng	Hiếu	Nam	Công nghệ thông tin	6.3	6.30	Trung bình	Đạt	
160	T180265	Lê Huy	Hùng	Nam	Công nghệ thông tin	6.6	6.60	Trung bình	Đạt	
161	T180266	Trần Quang	Huy	Nam	Công nghệ thông tin	7.9	7.90	Khá	Đạt	
162	T180267	Trần Gia	Huy	Nam	Công nghệ thông tin	7.7	7.70	Khá	Đạt	
163	T180268	Đỗ Thành	Hung	Nam	Công nghệ thông tin	7.0	7.00	Khá	Đạt	
164	T180269	Lê Trung	Kiên	Nam	Công nghệ thông tin	7.1	7.10	Khá	Đạt	
165	T180270	Lương Anh	Kiệt	Nam	Công nghệ thông tin	7.4	7.40	Khá	Đạt	
166	T180271	Lê Phan Anh	Kiệt	Nam	Công nghệ thông tin	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
167	T180272	Nguyễn Nhật Ai	Mi	Nữ	Công nghệ thông tin	7.3	7.30	Khá	Đạt	
168	T180273	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	Công nghệ thông tin	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
169	T180274	Đỗ Hữu	Nhất	Nam	Công nghệ thông tin	8.0	8.00	Giỏi	Đạt	
170	T180275	Trần Yên	Nhi	Nữ	Công nghệ thông tin	7.3	7.30	Khá	Đạt	
171	T180276	Nguyễn Như	Phú	Nam	Công nghệ thông tin	7.1	7.10	Khá	Đạt	
172	T180277	Phạm Anh	Quân	Nam	Công nghệ thông tin	6.3	6.30	Trung bình	Đạt	
173	T180278	Lê Tấn	Tài	Nam	Công nghệ thông tin	7.0	7.00	Khá	Đạt	
174	T180279	Huỳnh Quốc	Tin	Nam	Công nghệ thông tin	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP	ĐTB	Nếp loại	Kết quả xét	Ghi chú	
175	T180280	Phùng Thị Ánh	Tuyết	11/7/2009	Nữ	Công nghệ thông tin	7.9	7.90	Khá	Đạt	
176	T180282	Ngô Anh	Thịnh	24/02/2009	Nam	Công nghệ thông tin	7.1	7.10	Khá	Đạt	
177	T180283	Nguyễn Minh	Thuần	14/9/2009	Nam	Công nghệ thông tin	7.0	7.00	Khá	Đạt	
178	T180284	Nguyễn Văn	Trí	02/11/2009	Nam	Công nghệ thông tin	6.1	6.10	Trung bình	Đạt	
179	T180285	Nguyễn Trung	Trực	21/4/2009	Nam	Công nghệ thông tin	7.1	7.10	Khá	Đạt	
180	T180286	Trần Hoài	Vân	10/8/2009	Nam	Công nghệ thông tin	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
181	T180287	Nguyễn Công	Vinh	15/8/2009	Nam	Công nghệ thông tin	7.7	7.70	Khá	Đạt	
182	T180288	Lê Đỗ Tấn	Vũ	18/6/2009	Nam	Công nghệ thông tin	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
183	T180289	Trần Như	Ý	04/8/2009	Nữ	Công nghệ thông tin	8.1	8.10	Giỏi	Đạt	
184	T180290	Phạm Thị Hai	Yến	27/6/2009	Nữ	Công nghệ thông tin	7.3	7.30	Khá	Đạt	
185	T180294	Phạm Xuân	Hiền	13/02/2009	Nam	Công nghệ thông tin	7.0	7.00	Khá	Đạt	
186	T180295	Nguyễn Lê Nam	Khánh	04/12/2009	Nam	Công nghệ thông tin	7.1	7.10	Khá	Đạt	
187	T180296	Đinh Khánh	Linh	18/6/2009	Nữ	Công nghệ thông tin	7.3	7.30	Khá	Đạt	
188	T180297	Nguyễn Tấn	Lực	10/8/2009	Nam	Công nghệ thông tin	6.5	6.50	Trung bình	Đạt	
189	T180298	Huỳnh Ngọc Cẩm	Lý	16/6/2009	Nữ	Công nghệ thông tin	7.3	7.30	Khá	Đạt	
190	T180299	Lê Phạm Nhật	Mìn	17/11/2009	Nam	Công nghệ thông tin	8.3	8.30	Giỏi	Đạt	
191	T180300	Hồ Nhật	Nam	14/6/2009	Nam	Công nghệ thông tin	7.0	7.00	Khá	Đạt	
192	T180301	Ngô Đăng	Nguyễn	12/11/2009	Nam	Công nghệ thông tin	7.7	7.70	Khá	Đạt	
193	T180304	Lưu Hồng	Phú	20/02/2009	Nam	Công nghệ thông tin	6.1	6.10	Trung bình	Đạt	
194	T180306	Lê Anh	Tấn	03/4/2009	Nam	Công nghệ thông tin	6.0	6.00	Trung bình	Đạt	
195	T180307	Trần Quốc	Thắng	26/5/2008	Nam	Công nghệ thông tin	5.4	5.40	Trung bình	Đạt	
196	T180308	Hồ Long	Thịnh	08/5/2003	Nam	Công nghệ thông tin	8.3	8.30	Giỏi	Đạt	
197	T180311	Nguyễn Xuân	Tùng	26/9/2009	Nam	Công nghệ thông tin	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
198	T180312	Ngô Thanh	Vân	18/8/2008	Nữ	Công nghệ thông tin	7.3	7.30	Khá	Đạt	
199	T180313	Hồ Thị Như	Ý	03/01/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
200	T180315	Lê Ngọc	Thanh	25/11/2009	Nam	Công nghệ thông tin	5.8	5.80	Trung bình	Đạt	
201	T180316	Đinh Bùi Bảo	Thái	02/5/2009	Nam	Công nghệ thông tin	5.1	5.10	Trung bình	Đạt	
202	T180317	Trần Lưu Bá	Khải	14/6/2003	Nam	Công nghệ thông tin	7.3	7.30	Khá	Đạt	
203	T180318	Phạm Thị Hồ	Nguyễn	29/6/2009	Nữ	Công nghệ thông tin	7.3	7.30	Khá	Đạt	
204	T180320	Lê Quốc	Danh	03/11/2008	Nam	Điện tử công nghiệp	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
205	T180321	Lê Tự Hoàng	Duy	05/9/2009	Nam	Điện tử công nghiệp	8.5	8.50	Giỏi	Đạt	
206	T180324	Phạm Hà	Đăng	20/10/1996	Nam	Điện tử công nghiệp	8.0	8.00	Giỏi	Đạt	
207	T180325	Nguyễn Minh	Đến	19/3/2009	Nam	Điện tử công nghiệp	3.5	3.50	Kém	Không đạt	
208	T180326	Bùi Nguyễn Ái	Gia	21/12/2009	Nữ	Điện tử công nghiệp	7.3	7.30	Khá	Đạt	
209	T180328	Trình Quốc	Hòa	07/02/2009	Nam	Điện tử công nghiệp	7.0	7.00	Khá	Đạt	
210	T180329	Nguyễn Phùng	Hoàng	21/9/2009	Nam	Điện tử công nghiệp	8.6	8.60	Giỏi	Đạt	
211	T180330	Trần Quốc	Huy	14/10/2008	Nam	Điện tử công nghiệp	5.3	5.30	Trung bình	Đạt	
212	T180332	Mai Phạm Quốc	Hưng	02/01/2009	Nam	Điện tử công nghiệp	5.4	5.40	Trung bình	Đạt	
213	T180333	Đỗ Lâm Gia	Khánh	14/8/2009	Nam	Điện tử công nghiệp	7.5	7.50	Khá	Đạt	
214	T180335	Mãn Đức	Lộc	07/10/2009	Nam	Điện tử công nghiệp	8.5	8.50	Giỏi	Đạt	
215	T180337	Hồ Quốc	Lực	20/6/2009	Nam	Điện tử công nghiệp	6.3	6.30	Trung bình	Đạt	
216	T180338	Nguyễn Tiến	Lương	02/6/2009	Nam	Điện tử công nghiệp	7.7	7.70	Khá	Đạt	
217	T180339	Nguyễn An	Nam	12/6/2009	Nam	Điện tử công nghiệp	7.7	7.70	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	DTBC	Nếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
218	T180340	Trương Thiện	Nhơn	Nam	Điện tử công nghiệp	6,5	6,50	Trung bình	Đạt	
219	T180343	Phạm Đình Hoàng	Phú	Nam	Điện tử công nghiệp	7,0	7,00	Khá	Đạt	
220	T180344	Nguyễn Lê Thanh	Sơn	Nam	Điện tử công nghiệp	6,4	6,40	Trung bình	Đạt	
221	T180345	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	Điện tử công nghiệp	6,4	6,40	Trung bình	Đạt	
222	T180347	Bùi Minh	Trí	Nam	Điện tử công nghiệp	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
223	T180349	Lê Hoàng Quốc	Việt	Nam	Điện tử công nghiệp	7,8	7,80	Khá	Đạt	
224	T180351	Phan Trường	An	Nam	Điện tử công nghiệp	7,3	7,30	Khá	Đạt	
225	T180352	Phan Tuấn	Anh	Nam	Điện tử công nghiệp	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
226	T180353	Trần Phú	Bảo	Nam	Điện tử công nghiệp	7,8	7,80	Khá	Đạt	
227	T180354	Đặng Đại	Dũng	Nam	Điện tử công nghiệp	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
228	T180355	Võ Tiến	Duy	Nam	Điện tử công nghiệp	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
229	T180356	Trần Võ Thái	Hiển	Nam	Điện tử công nghiệp	7,1	7,10	Khá	Đạt	
230	T180358	Hồ Quốc	Huy	Nam	Điện tử công nghiệp	7,3	7,30	Khá	Đạt	
231	T180359	Nguyễn Minh	Kỳ	Nam	Điện tử công nghiệp	7,1	7,10	Khá	Đạt	
232	T180360	Dương Nguyễn	Kha	Nam	Điện tử công nghiệp	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
233	T180361	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	Điện tử công nghiệp	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
234	T180362	Phạm Anh	Khoa	Nam	Điện tử công nghiệp	7,1	7,10	Khá	Đạt	
235	T180365	Dương Hoàng	Nam	Nam	Điện tử công nghiệp	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
236	T180366	Võ Hoài	Nam	Nam	Điện tử công nghiệp	7,0	7,00	Khá	Đạt	
237	T180368	Trần Nguyễn Duy	Nguyễn	Nam	Điện tử công nghiệp	7,1	7,10	Khá	Đạt	
238	T180370	Hồ Gia	Phúc	Nam	Điện tử công nghiệp	7,1	7,10	Khá	Đạt	
239	T180371	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	Điện tử công nghiệp	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
240	T180372	Nguyễn Hoài	Phượng	Nam	Điện tử công nghiệp	7,1	7,10	Khá	Đạt	
241	T180373	Nguyễn Duy	Quân	Nam	Điện tử công nghiệp	7,1	7,10	Khá	Đạt	
242	T180374	Hoàng Anh	Quân	Nam	Điện tử công nghiệp	7,0	7,00	Khá	Đạt	
243	T180375	Trần Nguyễn	Phát	Nam	Điện tử công nghiệp	6,6	6,60	Trung bình	Đạt	
244	T180376	Lê Minh	Tín	Nam	Điện tử công nghiệp	7,6	7,60	Khá	Đạt	
245	T180378	Nguyễn Lê Tấn	Ty	Nam	Điện tử công nghiệp	6,4	6,40	Trung bình	Đạt	
246	T180379	Huyền Lê Công	Thắng	Nam	Điện tử công nghiệp	6,4	6,40	Trung bình	Đạt	
247	T180380	Nguyễn Đăng	Triết	Nam	Điện tử công nghiệp	6,3	6,30	Trung bình	Đạt	
248	T180381	Lê Minh	Triều	Nam	Điện tử công nghiệp	6,3	6,30	Trung bình	Đạt	
249	T180382	Mai Xuân	Trường	Nam	Điện tử công nghiệp	6,1	6,10	Trung bình	Đạt	
250	T180383	Đào Nguyễn Duy	Vĩ	Nam	Điện tử công nghiệp	6,0	6,00	Trung bình	Đạt	
251	T180384	Võ Thành	Vinh	Nam	Điện tử công nghiệp	7,9	7,90	Khá	Đạt	
252	T180385	Hoàng Mạnh	Vũ	Nam	Điện tử công nghiệp	6,4	6,40	Trung bình	Đạt	
253	T180386	Lê Tiến	Anh	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7,0	7,00	Khá	Đạt	
254	T180387	Phạm Gia	Bình	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	
255	T180388	Tô Tuấn	Cường	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6,7	6,70	Trung bình	Đạt	
256	T180389	Phan Văn	Chính	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6,9	6,90	Trung bình	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	ĐTB	Nếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
257	T180390	Trần Huỳnh Minh	Duy	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.3	7.30	Khá	Đạt	
258	T180391	Lê Ngọc	Dũng	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.1	7.10	Khá	Đạt	
259	T180392	Lê Minh	Hoàng	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
260	T180393	Nguyễn Ngọc Khánh	Huy	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	8.1	8.10	Giỏi	Đạt	
261	T180394	Phạm Minh	Khuê	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.0	7.00	Khá	Đạt	
262	T180395	Nguyễn Quốc	Long	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6.6	6.60	Trung bình	Đạt	
263	T180397	Khê Nguyễn Khôi	Nguyễn	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.6	7.60	Khá	Đạt	
264	T180399	Trần Hoàng Khải	Phong	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6.1	6.10	Trung bình	Đạt	
265	T180400	Nguyễn Minh	Phú	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	8.0	8.00	Giỏi	Đạt	
266	T180401	Lê Dương	Quốc	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.3	7.30	Khá	Đạt	
267	T180402	Lâm Nhật	Tân	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.5	7.50	Khá	Đạt	
268	T180404	Trương Thiên	Toàn	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.6	7.60	Khá	Đạt	
269	T180407	Nguyễn Thành	Y	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.5	7.50	Khá	Đạt	
270	T180408	Dặng Lê Thu	An	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.5	7.50	Khá	Đạt	
271	T180410	Trần Văn	Hào	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.1	7.10	Khá	Đạt	
272	T180411	Nông Văn	Hân	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.4	6.40	Trung bình	Đạt	
273	T180412	Ngô Gia	Hân	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.9	7.90	Khá	Đạt	
274	T180413	Đào Mỹ	Hoa	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
275	T180414	Bùi Huy	Hoàng	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.5	6.50	Trung bình	Đạt	
276	T180416	Trương Gia	Huy	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.4	6.40	Trung bình	Đạt	
277	T180421	Đinh Thị	Liên	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
278	T180422	Vô Thùy	Linh	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
279	T180424	Đỗ Hoàng Trà	Mỹ	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
280	T180426	Đoàn Thị	Nhiên	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
281	T180427	Trần Quỳnh	Như	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	DTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
282	T180429	Nguyễn Hồng Phúc	01/4/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
283	T180430	Nguyễn Hữu Trường Sơn	26/5/2009	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.3	6.30	Trung bình	Đạt	
284	T180431	Lê Quốc Tân	24/9/2009	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	5.9	5.90	Trung bình	Đạt	
285	T180432	Trần Nguyễn Tấn Thành	10/12/2009	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.3	6.30	Trung bình	Đạt	
286	T180433	Nguyễn Như Thủy	21/02/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.9	7.90	Khá	Đạt	
287	T180434	Nguyễn Lê Minh Trí	05/6/2009	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.4	6.40	Trung bình	Đạt	
288	T180435	Nguyễn Trần Thành Trí	31/8/2009	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
289	T180436	Nguyễn Minh Trục	11/9/2009	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.5	6.50	Trung bình	Đạt	
290	T180437	Nguyễn Trần Ngọc Vy	31/12/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
291	T180438	Võ Quang Duy	24/12/2009	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.0	7.00	Khá	Đạt	
292	T180440	Trần Thị Diệu	19/9/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
293	T180441	Hồ Thị Ngọc Hà	17/8/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
294	T180442	Lê Nguyễn Thu Hằng	25/5/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
295	T180444	Phan Thanh Hôn	02/12/2009	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
296	T180446	Lê Thị Quỳnh Hương	12/02/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
297	T180448	Lương Trần Duy Khánh	03/10/2009	Nam	Nghiệp vụ nhà hàng	6.5	6.50	Trung bình	Đạt	
298	T180452	Nguyễn Thị Phương Mai	30/12/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	8.1	8.10	Giỏi	Đạt	
299	T180454	Trần Lê Khánh Ngân	15/8/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
300	T180455	Huỳnh Thanh Ngân	25/10/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
301	T180456	Đỗ Thị Thủy Nhã	26/12/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
302	T180458	Lê Mỹ Như	29/7/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
303	T180459	Trần Nguyễn Thanh Phú	21/8/2009	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	9.3	9.30	Xuất sắc	Đạt	
304	T180460	Dương Tô Hoài Phương	14/3/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
305	T180461	Nguyễn Thị Bích Quỳnh	12/12/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
306	T180462	Lương Huỳnh Tài	15/5/2009	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.1	6.10	Trung bình	Đạt	
307	T180463	Đặng Thị Cẩm Tiên	24/7/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
308	T180465	Tạ Thiên Toàn	20/6/2009	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.5	6.50	Trung bình	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	DTBC	Nếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
309	T180466	Nguyễn Ngọc Phương	Trà	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
310	T180467	Nguyễn Bao	Trần	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
311	T180469	Nguyễn Phú	Trọng	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	8.2	8.20	Giỏi	Đạt	
312	T180470	Nguyễn Kim	Vanh	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
313	T180472	Võ Ái	Vy	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
314	T180473	Trần Thị Hoài	Anh	Nữ	Hướng dẫn du lịch	8.1	8.10	Giỏi	Đạt	
315	T180476	Ngô Nguyễn Hà	Giang	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.3	7.30	Khá	Đạt	
316	T180477	Phan Thị Mỹ	Hằng	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.3	7.30	Khá	Đạt	
317	T180479	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.3	7.30	Khá	Đạt	
318	T180480	Hồ Trọng	Lâm	Nam	Hướng dẫn du lịch	7.7	7.70	Khá	Đạt	
319	T180481	Nguyễn Trương Hoàng	Long	Nam	Hướng dẫn du lịch	8.2	8.20	Giỏi	Đạt	
320	T180483	Mai	Lý	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.3	7.30	Khá	Đạt	
321	T180486	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.3	7.30	Khá	Đạt	
322	T180487	Võ Kim Thảo	Nguyễn	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.3	7.30	Khá	Đạt	
323	T180489	Nguyễn Thủy	Nhi	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.3	7.30	Khá	Đạt	
324	T180491	Đặng Võ Kiều	Oanh	Nữ	Hướng dẫn du lịch	8.1	8.10	Giỏi	Đạt	
325	T180492	Nguyễn Thị	Phúc	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.3	7.30	Khá	Đạt	
326	T180493	Lê Minh	Quang	Nam	Hướng dẫn du lịch	7.0	7.00	Khá	Đạt	
327	T180494	Võ Trương Ngọc	Quỳnh	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.3	7.30	Khá	Đạt	
328	T180495	Nguyễn Thị Bảo	Thuy	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.3	7.30	Khá	Đạt	
329	T180497	Trần Thị Thu	Trâm	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.3	7.30	Khá	Đạt	
330	T180498	Nguyễn Minh	Trí	Nam	Hướng dẫn du lịch	5.7	5.70	Trung bình	Đạt	
331	T180500	Lê Thị Kim	Vàng	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.3	7.30	Khá	Đạt	
332	T180501	Nguyễn Thị Bích	Vân	Nữ	Hướng dẫn du lịch	8.1	8.10	Giỏi	Đạt	
333	T1805010	Trần Bá	Khang	Nam	Nghề nghiệp vụ nhà hàng	4.9	4.90	Yếu	Không đạt	
334	T1805011	Nguyễn Hoàng Gia	Linh	Nữ	Nghề nghiệp vụ nhà hàng	7.9	7.90	Khá	Đạt	
335	T1805013	Đinh Hoàng Bao	Lộc	Nam	Nghề nghiệp vụ nhà hàng	5.4	5.40	Trung bình	Đạt	
336	T180502	Lê Ngọc	Vân	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.3	7.30	Khá	Đạt	
337	T180504	Mai Thị Mỹ	Duyên	Nữ	Nghề nghiệp vụ nhà hàng	7.3	7.30	Khá	Đạt	
338	T180507	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	Nữ	Nghề nghiệp vụ nhà hàng	7.3	7.30	Khá	Đạt	
339	T180508	Nguyễn Hồ Minh	Kha	Nam	Nghề nghiệp vụ nhà hàng	5.5	5.50	Trung bình	Đạt	
340	T180509	Chung Nhi	Khang	Nam	Nghề nghiệp vụ nhà hàng	7.2	7.20	Khá	Đạt	
341	T180514	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	Nữ	Nghề nghiệp vụ nhà hàng	7.3	7.30	Khá	Đạt	
342	T180515	Bùi Lê Thanh	Ngân	Nữ	Nghề nghiệp vụ nhà hàng	7.3	7.30	Khá	Đạt	
343	T180516	Đặng Nguyễn Hoài	Ngọc	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
344	T180517	Cao Ái	Ngọc	Nữ	Nghề nghiệp vụ nhà hàng	7.9	7.90	Khá	Đạt	
345	T180518	Đỗ Huỳnh Cát	Tường	Nữ	Nghề nghiệp vụ nhà hàng	7.9	7.90	Khá	Đạt	
346	T180519	Hồ Thị Thanh	Trình	Nữ	Nghề nghiệp vụ nhà hàng	7.3	7.30	Khá	Đạt	
347	T180520	Lê Phạm Quỳnh	Liên	Nữ	Nghề nghiệp vụ nhà hàng	7.3	7.30	Khá	Đạt	
348	T180522	Nguyễn Tiểu	Bằng	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.9	7.90	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	ĐTBCT	Nếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
349	T180523	Nguyễn Bao	09/10/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.3	7.30	Khá	Đạt	
350	T180524	Nguyễn Quang	04/9/2009	Nam	Kế toán doanh nghiệp	6.6	6.60	Trung bình	Đạt	
351	T180525	Trần Mỹ	04/9/2005	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.9	7.90	Khá	Đạt	
352	T180526	Đặng Thị Ngọc	26/7/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.3	7.30	Khá	Đạt	
353	T180528	Trần Đào Duy	21/12/2009	Nam	Kế toán doanh nghiệp	5.4	5.40	Trung bình	Đạt	
354	T180529	Tổng Thị Thanh	26/9/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.3	7.30	Khá	Đạt	
355	T180530	Trần Thị Yến	12/10/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.3	7.30	Khá	Đạt	
356	T180531	Đoàn Thị Cẩm	19/10/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.3	7.30	Khá	Đạt	
357	T180532	Kim Lê Ai	05/5/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.3	7.30	Khá	Đạt	
358	T180533	Phạm Bao	30/11/2008	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	8.1	8.10	Giỏi	Đạt	
359	T180535	Nguyễn Thị Thanh	01/02/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.3	7.30	Khá	Đạt	
360	T180536	Phạm Lê Quỳnh	12/01/2009	Nữ	Hội họa	7.3	7.30	Khá	Đạt	
361	T180537	Phan Tuấn	29/11/2009	Nam	Hội họa	8.2	8.20	Giỏi	Đạt	
362	T180538	Nguyễn Trần Hoài	08/9/2009	Nam	Hội họa	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
363	T180542	Phạm Phúc	25/11/2008	Nam	Hội họa	5.9	5.90	Trung bình	Đạt	
364	T180546	Trương Minh	02/9/2008	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
365	T180547	Trương Quốc	24/12/2009	Nam	Hàn	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
366	T180548	Nguyễn Lê Thành	24/02/2009	Nam	Cắt gọt kim loại	5.6	5.60	Trung bình	Đạt	
367	T180551	Phạm Nguyễn Khánh	26/7/2007	Nam	Điện công nghiệp	8.9	8.90	Giỏi	Đạt	
368	T180553	Trần Hoàng	15/12/2009	Nam	Công nghệ thông tin	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
369	T180556	Nguyễn Đức	10/7/2009	Nam	Kế toán doanh nghiệp	7.7	7.70	Khá	Đạt	
370	T180557	Phan Thị Thanh	02/10/2009	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.3	7.30	Khá	Đạt	
371	T180558	Phan Chí	01/11/2009	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
372	T180561	Phan Lê	10/10/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
373	T180564	Thái Ngọc	24/8/2009	Nam	Điện công nghiệp	6.4	6.40	Trung bình	Đạt	
374	T180565	Lê Nhật	10/7/2008	Nam	Công nghệ ô tô	5.9	5.90	Trung bình	Đạt	
375	T180566	Võ Chí	26/02/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.8	6.80	Trung bình	Đạt	
376	T180575	Nguyễn Huyền	16/9/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
377	T180576	Võ Cai	07/7/2009	Nam	Điện tử công nghiệp	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
378	T180577	Huyền Nguyễn Hoàng	24/9/2009	Nam	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.1	7.10	Khá	Đạt	
379	T180578	Nguyễn Tấn	18/10/2009	Nam	Công nghệ ô tô	7.7	7.70	Khá	Đạt	
380	T180579	Nguyễn Hoài Bảo	06/11/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.4	7.40	Khá	Đạt	
381	T180581	Nguyễn Thanh	28/6/2009	Nam	Điện tử công nghiệp	7.1	7.10	Khá	Đạt	
382	T180582	Nguyễn Đăng Bao	18/5/2009	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	7.30	Khá	Đạt	
383	T180585	Nguyễn Việt	30/11/2007	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.6	7.60	Khá	Đạt	
384	T180589	Nguyễn Xuân	11/7/2009	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.1	7.10	Khá	Đạt	
385	T180590	Nguyễn Đình Tuấn	01/6/2008	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.5	7.50	Khá	Đạt	
386	T180595	Nguyễn Đăng	06/6/2006	Nam	Hàn	7.6	7.60	Khá	Đạt	
387	T180596	Dương Thị Thanh	23/9/2009	Nữ	Organ	7.3	7.30	Khá	Đạt	
388	T180598	Phan Nguyễn Thanh	19/11/2004	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	8.3	8.30	Giỏi	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP	DTBC	Nếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
389	T180601	Nguyễn Chí Hưng	29/9/1999	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.30	Khá	Đạt	
390	T180605	Trần Nguyễn Đình Thi	29/8/2008	Nam	Cắt gọt kim loại	7.1	7.10	Khá	Đạt	
391	T180606	Dương Gia Bao	14/10/2005	Nam	Chăn nuôi - Thú y	9.5	9.50	Xuất sắc	Đạt	
392	T180608	Trần Mạnh Cường	26/01/1996	Nam	Chăn nuôi - Thú y	8.2	8.20	Giỏi	Đạt	
393	T180609	Đào Văn Đạt	06/10/1998	Nam	Chăn nuôi - Thú y	8.2	8.20	Giỏi	Đạt	
394	T180610	Võ Thủy Hà	09/5/2001	Nữ	Chăn nuôi - Thú y	7.9	7.90	Khá	Đạt	
395	T180611	Phan Tấn Khanh	10/10/2009	Nam	Chăn nuôi - Thú y	8.2	8.20	Giỏi	Đạt	
396	T180613	Tô Anh Tuấn	15/12/1972	Nam	Chăn nuôi - Thú y	8.7	8.70	Giỏi	Đạt	
397	T180614	Nguyễn Thanh Trúc	15/01/1981	Nam	Chăn nuôi - Thú y	9.6	9.60	Xuất sắc	Đạt	
398	T180615	Nguyễn Kim Triều	30/11/2009	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	7.4	7.40	Khá	Đạt	
399	T180618	Nguyễn Thành Đạt	01/10/2009	Nam	Điện công nghiệp	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
400	T180620	Lê Tự Trọng	04/10/2009	Nam	Cơ điện tử	8.4	8.40	Giỏi	Đạt	
401	T180697	Nguyễn Kỳ Lợi	16/9/2008	Nam	Cắt gọt kim loại	7.3	7.30	Khá	Đạt	
402	T180698	Đặng Thái Việt	19/10/2009	Nam	Điện tử công nghiệp	7.0	7.00	Khá	Đạt	
403	T180699	Nguyễn Công Khanh	22/8/2007	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	6.1	6.10	Trung bình	Đạt	
404	T180700	Võ Thanh Cường	21/9/1995	Nam	Chăn nuôi - Thú y	9.2	9.20	Xuất sắc	Đạt	
405	T180702	Lưu Anh Đức	16/11/2028	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	5.9	5.90	Trung bình	Đạt	
406	T180807	Từ Hồng Anh	12/12/2007	Nam	Công nghệ thông tin	7.0	7.00	Khá	Đạt	
407	T180811	Lê Anh Quốc	12/15/2009	Nam	Công nghệ thông tin	9.9	9.90	Xuất sắc	Đạt	
408	T180938	Nguyễn Thanh Hoàng	10/20/2009	Nữ	Nghiệp vụ nhà hàng	8.3	8.30	Giỏi	Đạt	

Số sinh viên đạt: 406; Số sinh viên không đạt: 2

NGƯỜI LẬP BẢNG

PHÒNG ĐT&QLSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

Gia Lai, ngày 20 tháng 8 năm 2025



CN. Lê Văn Lợi



CN. Trần Thế Hưng



THS. Nguyễn Thanh Ngọc



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng